

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC AN GIANG**

\*\*\*\*\*

# **PHÁC ĐỒ ĐIỀU TRỊ**

*Khoa Y Học Cổ Truyền*



**AN GIANG 2015**

**Ký hiệu : PĐĐT-YHCT**

*Châu Đốc, ngày 06 tháng 06 năm 2015*

## **MỤC LỤC**

Cấp cứu vụng châm .....	Trang 2
Viêm dây thần kinh tọa.....	4
Tai biến mạch máu não .....	7
Liệt dây thần kinh VII ngoại biên .....	10
Kinh nguyệt không đều .....	12
Đau lưng .....	15
Viêm gan mạn.....	17
Viêm loét dạ dày tá tràng .....	20
Viêm đại tràng mạn.....	25

Biên Soạn

Phụ Trách Đơn Vị

Phê Duyệt  
Chủ tịch HĐ KHKT

# CẤP CỨU VỤNG CHÂM

( Trích theo QĐ số 5467/2003/QĐ-BYT ngày 21/10/2003 )

## I TRIỆU CHỨNG LÂM SÀNG

**A/ Mức độ nhẹ:**

Mặt trắng bệch, vã mồ hôi, hoa mắt, bồn chồn, buồn nôn hoặc nôn.

**B/ Mức độ nặng:**

- Chân tay lạnh ngắt.
- Huyết áp tụt hoặc mất.

## II XỬ TRÍ

**A/ Mức độ nhẹ :**

- Rút ngay hết kim.
- Bảo người bệnh nhắm mắt lại.
- Nằm đầu thấp, người bệnh sẽ trở lại bình thường.
- Day huyết: Nhân trung.

**B/ Mức độ nặng:**

- Rút kim.
- Nằm đầu thấp.
- Vừa châm vừa vê mạnh huyết Nhân trung hoặc châm lần lượt các huyết của

thập tuyền

- Nới rộng quần áo, đắp ấm .
- Khi châm cần vê mạnh và châm lần lượt từng huyết cho đến khi tỉnh lại .
- Tỉnh rồi cho uống nước trà nóng, nước đường nóng .
- Có thể sử dụng Adrenaline 1ml tiêm bắp .

# VIÊM THẦN KINH TỌA

## I ĐẠI CƯƠNG:

Đau dây thần kinh tọa được định nghĩa là một hội chứng thần kinh có đặc điểm chủ yếu là đau dọc theo lộ trình của dây thần kinh tọa và các nhánh của nó, nguyên nhân thường do bệnh lý đĩa đệm ở phần thấp của cột sống.

## II NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU TRI:

### 1. Thể cấp: (Thể phong hàn phạm kinh lạc hoặc Khí huyết ứ trệ):

- Trong thực tế nhóm này chiếm 90% trường hợp, đây là hệ quả của sự chèn ép thoát vị nhân và rễ của dây thần kinh.

- Khi đau bệnh nhân sẽ chỉ rõ lộ trình đường đi của rễ thần kinh:

+ Rễ L5: Từ mông -> mặt ngoài cẳng chân -> ngón cái chân.

+ Rễ S1: Từ mông mặt -> sau cẳng chân -> gót chân.

đây là lối đau “ cơ học”: Đau tăng do mệt mỏi, gắng sức, cơn ho.

Cơn đau giảm đi do nghỉ ngơi, hay một tư thế giảm đau nào đó.

- Cường độ đau: Từ cảm giác tê tê, chích chích đến nghe như cát, xé, nóng, rát.

a/. Thăm khám người bệnh ở tư thế đứng:

- Khi cúi gập lưng xuống, hay xoay lưng qua lại, đều giảm biên độ so với bình thường.

- Đau dây L5: Người bệnh không thể đứng bằng gót chân được.

- Đau dây S1: Người bệnh không đứng bằng mũi chân được.

b/. Thăm khám người bệnh ở tư thế nằm sấp:

- Dấu hiệu bầm chuông (+)

- Dấu hiệu Valleix (+)

c/. Thăm khám người bệnh ở tư thế nằm ngửa:

- Dấu hiệu Laseque.

- Các dấu hiệu kèm theo: Đau dây S1 phản xạ gân gót mất, có teo cơ.

### 2- Thể mạn: (Thể phong hàn thấp / Can thận âm hư):

- Bất thường ở thắt lưng -> xương cùng nơi tiếp giáp L5 –S1.

- Đĩa gian đốt “gai” bị tổn thương: Mau, chậm, do tuổi tác.

- Do té ngã, gắng sức gồng nên tổn thương đĩa

\* Thoát vị nhân phía trước: Không gây đau, nhưng tạo ra chồi xương “gai”

\* Thoát vị nhân phía sau: Gây đau, vì nó kéo căng phía sau của vòng xơ, kích thích dây thần kinh, bệnh này hay tái phát.

+ Cận lâm sàng: Chụp X quang cột sống thẳng, nghiêng từ D12-S1

**Điều trị nội khoa:**

- . Nằm nghỉ trên mặt phẳng cứng.
- . Thuốc giảm đau.
- . Thuốc giãn cơ.
- . Không xoa bóp mạnh lúc cột sống lưng còn đau.
- . Điều trị nội khoa thất bại, nhờ ngoại khoa can thiệp.

**Điều trị bằng y học cổ truyền:**

- Do nguyên nhân cơ năng phục hồi bệnh tốt.
- Do nguyên nhân thực thể thường kết quả thấp, cần gửi bệnh đi chuyên khoa

sâu

+ Phương pháp chữa bệnh tùy theo nguyên nhân gây bệnh.

**1/ Đau dây thần kinh tọa do lạnh (trúng phong, hàn ở kinh lạc)**

+ Triệu chứng: Đau vùng thắt lưng lan xuống mông, mặt sau đùi cẳng chân, đi đứng khó, đau, chườm teo cơ, toàn thân sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù

+ Phương pháp chữa: Khu phong tán hàn- hành khí hoạt huyết

+ Bài thuốc: **PT5** (giáo sư BÙI CHÍ HIẾU)

- Lá lốt	12g	- Mắc cỡ	12g
- Thiên niên kiện	12g	- Quế chi	10g
- Thổ phục linh	12g	- Cỏ xước	10g
- Sài đất	12g	- Sinh địa	16g
- Hà thủ ô	16g		

Ngày sắc uống 01 thang

+ Thuốc thanh phẩm :

Lục vị nang 03 viên x 03 lần/ ngày

Rheumapain f 03 viên x 02 lần / ngày

+ Châm cứu:

- Áp thống huyết.

- Thận du, Mệnh môn, Đại trường du, Trật biên, Hoàn khiêu, Thừa phù,

Uỷ trung.

**2/ Đau dây TK tọa do thoái hóa cột sống gây chèn ép (phong hàn thấp tý)**

- Triệu chứng: Đau vùng thắt lưng lan xuống chân theo dọc đường đi của dây thần kinh tọa, có teo cơ, bệnh kéo dài và dễ tái phát. Thường kèm theo triệu chứng toàn thân như: Ăn kém, ngủ ít, mạch nhu hoãn, trầm nhược.

+ Phương pháp chữa: Khu phong, tán hàn, trừ thấp, hoạt huyết, bổ can thận. Nếu

có teo cơ thì phải bổ khí huyết.

+ Bài thuốc: **Độc hoạt tang ký sinh gia giảm**

- Độc hoạt	12g	- Xuyên khung	12g
- Phòng phong	10g	- Kỷ tử	12g
- Tang ký sinh	12g	- Đỗ trọng	12g
- Thiên niên kiện	12g	- Đương qui	12g
- Thổ phục linh	12g	- Thục địa	12g
- Cam thảo	04g	- Đại táo	12g
- Quế chi	04g	- Táo nhân	03g
- Ngưu tất	12g	- Tế tân	04g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Rheumapain F : 04 viên x 03 lần / ngày
- Bát trân nang : 03 viên x 03 lần / ngày

+ Châm cứu:

- Áp thông huyết.
- Thận du, Mệnh môn, Đại trường du, Trật biên, Hoàn khiêu, Thừa phù,

Ủy trung.

# **TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO**

## **A/. PHÂN LOẠI:**

### **1/ NHỒI MÁU NÃO :**

Là hiện tượng thiếu máu cục bộ do tắt lấp động mạch, hoặc tắt động mạch, xoang tĩnh mạch, gây tổn thương não mà khó hoặc không phục hồi.

Tri giác: Thường người bệnh tỉnh có khi hôn mê, nhưng xảy ra từ từ, có dấu hiệu thần kinh khu trú, có rối loạn ngôn ngữ cảm giác.

### **2. XUẤT HUYẾT NÃO :**

Cơn đột quy, người bệnh lập tức rơi vào hôn mê, bệnh thường xảy ra ở tuổi trung niên.

## **B/. NGUYÊN NHÂN**

Thường do cao huyết áp, vỡ dị dạng động mạch máu não, xuất huyết não, rối loạn đông máu, chấn thương sọ não.

## **C/. LÂM SÀNG:**

Người bệnh hôn mê, rối loạn thần kinh thực vật, dấu hiệu thần kinh khu trú khó xác định.

## **D/. ĐIỀU TRI:**

- Hút đàm nhớt, thở oxy khi người bệnh hôn mê.
- Chống phù não: Manitol 20% (200ml) truyền tĩnh mạch chậm hoặc:
- Furosemide: 20mg tiêm TMC khi có cao huyết áp.
- Hoặc: Phenobarbital: 0,2g x 01 ống tiêm bắp (không dùng khi hô hấp xấu).
- Điều trị cao huyết áp: Đưa về trị số bình thường.
- Điều trị tim mạch.
- Tăng tuần hoàn não: Piracetame 1g/ ống x 03 lần/ ngày tiêm mạch
- Thuốc kháng đông: Chỉ dùng khi lấp mạch do bệnh van tim, sử dụng hạn chế.
- Dinh dưỡng và điều dưỡng:
  - + Truyền dịch: Glucose 30%, 5%...
  - + Vitamin C: 1g -> 2g / ngày tiêm TMC.
  - + Nếu người bệnh không ăn được: Đặt tube levin.
  - + Chống bội nhiễm, xoay trở người bệnh, đặt ống thông tiểu.
  - + Cho người bệnh nằm nơi thoáng khí, yên tĩnh.
  - + Tránh thăm viếng thường xuyên.

## **E/. ĐIỀU TRI BẰNG YHCT:**

- TBMMN là một hội chứng bệnh được miêu tả trong phạm vi chứng phong

của đông y.

- Nguyên nhân thường gặp ở người già, hoạt động các tạng Tâm, Can, Thận bị giảm sút gây hiện tượng âm hư sinh đàm, phong động gây co giật, hôn mê.

+ Phân loại:

Nếu liệt ½ người không có hôn mê gọi là: “trúng phong kinh lạc”

Nếu liệt ½ người có hôn mê thì gọi là: “trúng phong tạng phủ”

### **I/Thuốc điều trị trúng phong kinh lạc:**

a/.Triệu chứng: Liệt mặt, lưỡi lệch về bên lạnh, liệt ½ người, thoáng mất ý thức, hoa mắt chóng mặt, mạch huyền tế sắc, thuộc chứng âm hư hỏa vượng, hay gặp ở người cao huyết áp, xơ cứng động mạch: (thể can thận âm hư)

b/. phép trị : - Tư âm ghìm dương (do âm hư hỏa vượng)

-Trừ đàm thông lạc (do phong đàm)

c/. Bài thuốc : + Chữa trúng phong kinh lạc (do âm hư dương sung)

- Câu đằng	16g	- Tang ký sinh	12g
- Thạch huyết minh	14g	- Sinh địa	12g
- Ngưu tất	12g	- Dâu tằm	12g
- Cúc hoa	12g	- Mạch môn	12g
- Hà thủ ô	12g	- Địa long	06g
- Thạch斛	12g		

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Bình can tức phong gia giảm

- Thiên ma	12g	- Câu đằng	16g
- Hy thiêm	16g	- Nam tinh	08g
- Địa long	10g	- Bạch tật lê	12g
- Ngô đồng	12g		

Ngày sắc uống 01 thang .

+ Đạo đàm thang gia giảm chữa chứng phong đàm

- Bán hạ chế	08g	- Chỉ thực	08g
- phục linh	08g	- Toàn yết	04g
- Trần bì	06g	- Cương tằm	08g
- Cam thảo	06g		

Ngày sắc uống 01 thang

+ Thuốc thành phẩm :

- Hoa đà tái tạo hoàn : 01 gói x 03 lần / ngày

- Lục vị hoàn : 02 viên x 03 lần / ngày

d/. Châm cứu:

- Liệt mặt: Ngư yêu, Thái dương, Địa thương, Giáp xa, Phong trì, Nghinh hương.

- Liệt cánh tay: Kiên tĩnh, Kiên ngưng, Tý nhu, Khúc trì, Hợp cốc, Thần môn, Ngoại quan.

- Liệt chân: Hoàn khiêu, Trật biên, Ủy trung, Thừa sơn, Phong thị, Túc tam lý, Dương lăng tuyền, Huyền chung..

- Nếu có cao huyết áp: Thêm huyết Hành gian, Thái xung, Thái khô, Tam âm giao, Thái xung, Nội quan, Huyết hải.

# LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN

Liệt dây VII ngoại biên do nhiều nguyên nhân: Cơ năng hay thực thể gây ra như: Viêm nhiễm, lạnh, sang chấn, chấn thương vỡ xương đá.

**1.LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN DO LẠNH:** (Đông y gọi là trúng phong hàn ở kinh lạc)

**a/.Triệu chứng:**

Sau khi gặp mưa gió, lạnh, tự nhiên mắt không kín, miệng méo cùng bên với mắt, uống nước trào ra, không huýt sáo được, toàn thân có hiện tượng sợ lạnh, rêu lưỡi trắng, mạch phù.

**b/Phép trị :** Khu phong tán hàn hoạt lạc.

+ **Bài thuốc :**

Ké đầu ngựa	12g	Trần bì	12g
Tang ký sinh	12g	Hương phụ	12g
Qué chi	08g	Đương quy	12g
Bạch chỉ	12g	Xuyên khung	12g
Ngưu tất	12g	Cam thảo	04g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ **Châm cứu:**

Ế phong, Toán trúc, Tỉnh minh, Ngưu yêu, Giáp xa, Địa thương, Nghinh hương, Phong trì, Hợp cốc.

**2.LIỆT DÂY VII NGOẠI BIÊN DO NHIỄM TRÙNG:** (đông y gọi là trúng phong nhiệt ở kinh lạc)

**a. Triệu chứng:**

Tự nhiên mắt không nhắm được, miệng méo cùng bên với mắt, uống nước trào ra, không huýt sáo được, có sốt, sợ gió sợ nóng, rêu lưỡi trắng dày, mạch phù sắc. Sau khi hết sốt, có tình trạng liệt dây VII ngoại biên.

**b. Phép trị :** Khu phong thanh nhiệt, hoạt huyết.

**c. Bài thuốc:**

- Kim ngân hoa	16g	- Ngưu tất	12g
- Bồ công anh	16g	- Dâu tằm	12g
- Thổ phục linh	12g	- Táo nhân	03g
- Ké đầu ngựa	12g	- Cam thảo	03g
- Xuyên khung	12g		

Ngày sắc uống 01 thang

**3. LIỆT DÂY VII DO SANG CHẨN:** (đông y gọi là ứ huyết ở kinh lạc)

a. **Triệu chứng:** Gồm triệu chứng liệt dây VII, mà nguyên nhân gây ra do sang chấn như: Té ngã, bị thương tích, sau mổ vùng hàm mặt, xương chũm

b. **phép trị :** Hoạt huyết, hành khí.

+ Bài thuốc:

- Đẳng sâm	12g	- Uất kim	08g
- Xuyên khung	12g	- Chỉ xác	06g
- Ngưu tất	12g	- Trần bì	06g
- Tố mộc	08g	- Hương phụ	06g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ thuốc thành phẩm :

- Rhuemapain F 03 viên x 03 lần/ ngày
- Lục vị nang 02 viên x 03 lần/ ngày

. Đa số các trường hợp liệt VII ngoại biên do lạnh, do xung huyết: Uống thuốc bắc, châm cứu đem lại kết quả tốt.

. Các trường hợp do nhiễm trùng: Phục hồi lâu hơn.

. Đối với các trường hợp phục hồi chậm (trên 02 tháng): Người bệnh và thầy thuốc cần có điều kiện về thời gian.

. Phải phối hợp nhiều phương pháp: Châm cứu, châm điện.

+ Vật lý trị liệu: Kiên trì hướng dẫn từng động tác xoa ấn vùng mặt, trên trán, trên má, dưới cằm, các cơ hai bên má, xoa bóp vật lý trị liệu, dưỡng sinh, thường thu được kết quả tốt hơn. tập vùng mắt, vùng lưỡi, tập thổi phồng miệng.

+ Tâm lý liệu pháp: Do tính chất bệnh lâu dài phải động viên, an ủi, giúp người bệnh vượt qua thời gian khó khăn.

+ Phối hợp thuốc tây:

- Paracetamol 500mg 1viên x 2 lần uống (sáng, chiều)
- Vitamin C 1g tiêm TMC.

# KINH NGUYỆT KHÔNG ĐỀU

## I. ĐẶC ĐIỂM:

1/. Thay đổi về chu kỳ:

- Trước kỳ: Sớm hơn 7 ngày.
- Sau kỳ : Chậm hơn 7 ngày.

2/. Thay đổi về tính chất:

- Số lượng kinh ra nhiều hơn hay ít hơn bình thường.
- Số ngày kinh ngắn hay dài (3-6 ngày).
- Sắc kinh: Đỏ, tím, nhạt...
- Kinh đặc, loãng, thành cục...

## II PHÂN LOẠI BỆNH:

1/. **Kinh nguyệt trước kỳ:** Phần nhiều do nhiệt gây ra (thực nhiệt, hư nhiệt), nhưng cũng có khi do khí hư gây nên.

**a. Do huyết nhiệt:** Hay ăn đồ cay nóng, cảm nhiệt tá làm huyết đi sai đường, thấy kinh trước kỳ và lượng kinh ra nhiều.

+ Triệu chứng: Số lượng ra nhiều, màu đỏ tía, đặc, máu cục, sắc mặt đỏ, môi đỏ khô, dễ giận, cáu gắt, thích mát, sợ nóng, táo bón, nước tiểu đỏ, rêu vàng.

+ Phép trị : Thanh nhiệt, lương huyết.

+ Bài thuốc:

- Sinh địa	12g	- Đương qui	12g
- Xuyên khung	12g	- Huyền sâm	12g
- Ngưu tất	12g	- Hoài sơn	12g
- Ích mẫu	16g	- Mạch môn	12g
- Cỏ mực	10g		

Ngày sắc uống 01 thang.

Nếu can khí uất kết, tình chí không thoải mái, hay tức giận, buồn phiền gia thêm: Chi tử 12g, Sài hồ 12g, Bạc hà 08g.

+ Thuốc thành phẩm :

- Hoàn điều kinh bổ huyết 01 gói x 03 lần/ ngày
- Thanh huyết nang 02 viên x 03 lần/ ngày

**b. Do huyết hư:** Do âm hư hỏa vượng, làm âm huyết kém, nhiệt làm kinh ra trước kỳ nhưng lượng ít.

+ Triệu chứng: Lượng kinh ít màu đỏ và trong, không có cục, sắc mặt không nhuận, hai gò má đỏ, chóng mặt, trong người phiền nhiệt, ngủ không yên, chất lưỡi

đỏ, rêu vàng khô, miệng lở, mạch tế sác.

+ Phép trị : Dưỡng âm thanh nhiệt

+ Bài thuốc:

- Sinh địa	16g	- Xuyên khung	12g
- Huyền sâm	12g	- Địa cốt bì	12g
- Ích mẫu	12g	- Cát căn	12g
- Rễ tranh	12g	- Mạch môn	12g
- Đương qui	12g		

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Hoàn điều kinh bổ huyết 01 gói x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần / ngày

**c. Khí hư:** Cơ thể suy nhược, dinh dưỡng kém làm ảnh hưởng đến mạch xung nhâm gây kinh nguyệt trước kỳ mà số lượng kinh nhiều.

+ Triệu chứng: Kinh ra trước kỳ, số lượng nhiều, màu nhạt, loãng, sắc mặt trắng bóng, tinh thần uể oải, hồi hộp, hơi thở ngắn, ngại nói, mệt mỏi, chất lưỡi nhạt, rêu mỏng ướt, mạch hư nhược, vô lực.

+ Phép trị : Bổ khí, cố kinh

+ Bài thuốc:

- Đảng sâm	20g	- Bạch truật	08g
- Ý dĩ	20g	- Hoài sơn	12g
- Sa nhân	08g		

Tất cả tán bột làm viên ngày uống 15g x 2 lần.

+ Thuốc thành phẩm :

- Ích mẫu 01 viên x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần / ngày

## 2/. Kinh nguyệt sau kỳ:

**a. Hư hàn:** Do nội thương (hư hàn) hoặc ngoại cảm phong hàn (thực)

+ Triệu chứng: Kinh chậm lượng ít màu nhạt hoặc xám đen loãng sắc mặt trắng, môi nhạt, tích nóng, sợ lạnh tay chân lạnh, bụng đau liên miên, chườm nóng dễ chịu, chóng mặt thờ ngắn, mỗi lưng mạch trầm trì vô lực .

+ Phép trị : Ôn kinh, trừ hàn, bổ hư.

+ Bài thuốc:

- Thục địa	12g	- Xuyên khung	10g
- Can khương	08g	- Ngải cứu	12g

- Hà thủ ô                    12g                    - Đảng sâm                    12g
- Thạch xương bồ        08g

Ngày uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Hoàn điều kinh            01 gói x 03 lần / ngày
- Bát trân nang              02 viên x 03 lần / ngày

**b. Do huyết:** huyết ứ (thực), huyết hư (hư).

**@/ Huyết ứ:**

+ Triệu chứng: Kinh ra sau kỳ, lượng ít màu tím đen đóng cục, sắc mặt tím xám, bụng dưới trướng đau (cự án). Sau khi hành kinh ra huyết bết đau, táo bón, nước tiểu ít, lưỡi xám, mạch trầm sắc.

+ Phép trị : Hoạt huyết, khử ứ, điều kinh

+ Bài thuốc:

- Sinh địa                    12g                    - Xuyên khung                08g
- Đương qui                08g                    - Uất kim                        08g
- Đào nhân                 08g                    - Ích mẫu                        16g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Ích mẫu                     01 viên x 03 lần / ngày
- Thanh huyết nang        02 viên x 03 lần / ngày

**@/. Huyết hư :**

+ Triệu chứng : Kinh nguyệt ra sau kỳ lượng ít, kinh loãng, sắc mặt trắng mệt mỏi, hồi hộp, đoản hơi, ngại nói, móng tay chân nhạt, da khô sáp, đầu choáng mắt hoa, ngủ ít, chất lưỡi nhạt không có rêu, mạch tế sắc hay hư.

+ Phép trị : Điều kinh, bổ huyết

+ Bài thuốc :

- Thục địa                    12g                    - Trần bì                        06g
- Xuyên khung            08g                    - Ích mẫu                        12g
- Kỷ tử                        12g                    - Đảng sâm                    08g
- Hà thủ ô                    10g                    - Đương quy                    12g
- Long nhãn                12g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Hoàn điều kinh            01 gói x 03 lần/ ngày
- Bát trân nang              02 viên x 03 lần / ngày

**c. Do đàm thấp:**

+ Triệu chứng: Kinh nguyệt sau kỳ, sắc nhạt, thường hay buồn nôn, kém ăn, miệng nhạt, rêu lưỡi trắng nhạt, mạch huyền hoạt.

+ Phép trị : điều kinh, hóa đàm, trừ thấp

+ Bài thuốc :

- Thục địa	12g	- Trần bì	06g
- Xuyên khung	08g	- Ích mẫu	12g
- Kỷ tử	12g	- Đảng sâm	08g
- Hà thủ ô	10g	- Đương quy	12g
- Long nhãn	12g	- Bán hạ chế	08g

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Ích mẫu 02 viên x 02 lần / ngày
- Lục vị nang 02 viên x 02 lần / ngày

# ĐAU LƯNG

## I/ ĐAI CƯƠNG:

Đau lưng 1 bên hay 2 bên cột sống là một chứng bệnh do nhiều nguyên nhân gây ra, có thể chia thành 2 loại:

- Đau lưng cấp.
- Đau lưng mãn.

## II/ ĐIỀU TRỊ:

**A/ Đau lưng cấp:** Thường do bị lạnh do gây cứng các cơ cột sống lưng, dây chằng cột sống bị viêm, bị phù nề gây chèn ép vào dây thần kinh (do bị thoát vị đĩa đệm), hoặc do mang vác nặng, làm một số động tác gắng sức sai tư thế làm sang chấn vùng thắt lưng.

+ Triệu chứng: Đông y cho rằng do hàn thấp gây ra, đau lưng xảy ra đột ngột, sau khi bị lạnh mưa, ẩm thấp, đau nhiều khi cúi ngửa, đứng lên ngồi xuống khó khăn, ho và xoay trở mình cũng đau thỉnh thoảng có những cơn giật nhẹ, thường đau một bên, ấn các cơ sống lưng co cứng và sưng to, mạch trầm huyền.

+ X Quang: Giai đoạn đầu cột sống lưng bị cong do co kéo các cơ cột sống

+ Phương pháp chữa: Khu phong, tán hàn, trừ thấp ôn kinh hoạt lạc

+ Bài thuốc:

- Quế chi	08g	- Xuyên khung	12g
- Rễ lá lốt	08g	- Táo nhân	08g
- Thiên niên kiện	10g	- Cam thảo	04g
- Ý dĩ	16g	- Thổ phục linh	12g
- Trần bì	06g	- Tang ký sinh	12g
- Ngưu tất	12g	- Kỷ tử	12g
- Đỗ trọng	12g		

Ngày sắc uống một thang.

+ Thuốc thành phẩm :

- Rheumapain f 04viên x 02 lần / ngày , hoặc 03viên x 03 lần/ ngày
- Lục vị nang 02 viên x 02 lần / ngày
- Cồn xoa bóp 03 lần x 05 ml / dùng ngoài

+ Châm cứu :

- A thị huyết.
- Châm giáp tích vùng đau tương xứng.
- Phương pháp châm tả (vê kim luôn).

- Huyệt: Thận du, Đại trường du, Mệnh môn, Giáp tích: Từ L2-S1, Hoàn khiêu, Trật biên, Ủy trung, Thừa sơn, Côn lân, Dương lăng tuyền, Huyền chung.

+ Xoa bóp: Chỉ xoa bóp vùng xa nơi đau.

+ chế độ nghỉ ngơi tuyệt đối, tránh vận động sớm, tư thế nằm nghỉ trên mặt phẳng cứng

+ Dùng lá ngải cứu, muối rang (hết nỏ) sao cho nóng vừa phải, bọc khăn mỏng chườm nhẹ nơi đau ngày 2-3 lần.

+ Dùng cồn xoa bóp: Gồm có ô đầu sổng quế, đại hồi ngày 2-3 lần.

**B. Đau lưng mãn tính:** Thường gặp ở các người bệnh

- Lao cột sống thắt lưng.

- Vôôi hóa, thoái hóa cột sống lưng.

- Gai cột sống lưng.

- Suy nhược thần kinh.

+ Triệu chứng bệnh: Người bệnh đau vùng thắt lưng, thường xuyên đau âm ỉ, cúi ngửa khó khăn, ngồi mau ê mỗi vùng lưng, đau lan xuống tê một bên chân hay hai bên chân, ăn ngủ kém, cơ thể mệt mỏi suy nhược.

+ Bài thuốc :

- Kỷ tử	12g	- Tang ký sinh	12g
- Đỗ trọng	12g	- Thiên niên kiện	12g
- Câu tích	12g	- Hà thủ ô	12g
- Ngưu tất	12g	- Thổ phục linh	12g
- Thục địa	12g	- Hoài sơn	12g
- Táo nhân	03g	- Ý dĩ	12g
- Cam thảo	03g		

Ngày sắc uống 01 thang.

+ Thuốc thành phẩm :

Phong tê thấp : 04 viên x 03 lần / ngày

Lục vị nang : 03 viên x 03 lần / ngày

Cồn xoa bóp : 05 ml x 03 lần/ ngày dùng ngoài

# VIÊM GAN MẠN

## I/ ĐỊNH NGHĨA:

Là một bệnh bao gồm một loạt những rối loạn gan có nguyên nhân và mức độ trầm trọng khác nhau, trong đó hiện tượng viêm và hoại tử liên tục kéo dài trên 6 tháng.

## II/ CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ :

### 1/ Thể Can nhiệt Tỳ thấp:

Thường gặp trong viêm gan mạn tiến triển với các triệu chứng miệng đắng, chán ăn, bụng đầy chướng, miệng khô nhớt, đau nhiều vùng gan, da vàng xạm, tiểu tiện vàng, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền.

Phép trị: Thanh nhiệt, trừ thấp với mục đích

Hạ sốt: nhờ có Flavon trong Hoàng cầm có tác dụng ức chế men polyphenol oxidase gây sốt trong bệnh lý tự miễn.

Lợi mật và tổng mật: nhờ có acid chlorogenic và 6,7 dimethyl-coumarine có trong Nhân trần hoặc Mg silicat có trong Hoạt thạch.

Lợi tiểu và bảo vệ tế bào gan: Nhân trần.

Tăng khả năng miễn dịch của cơ thể: Phục linh.

- Những bài thuốc sử dụng:

#### \* Bài thuốc **Nhân trần ngũ linh tán**

Nhân trần	20g	Đảng sâm	16g
Bạch truật	12g	Ý dĩ	16g.
Phục linh	12g	Trư linh	08g
Trạch tả	12g	Xa tiền tử	12g

. Nếu do viêm gan siêu vi nên tăng liều Bạch truật, Phục linh lên 20g, giảm liều Đảng sâm 10g, thêm Diệp hạ châu 50g.

. Nếu do viêm gan tự miễn nên tăng liều Đảng sâm 30g, gia thêm Cam thảo bắc 30g.

#### \* Bài thuốc **Hoàng cầm hoạt thạch thang** (Ôn bệnh điều biến) :

Hoàng cầm	12g	Hoạt thạch	12g
Đại phúc bì	12g	Phục linh	08g
Trư linh	08g	Đậu khấu	08g
Kim ngân	16g	Mộc thông	12g
Nhân trần	20g	Cam thảo bắc	04g

. Nếu có nóng sốt, vàng da nên tăng liều Hoàng cầm, Hoạt thạch 20g

. Nếu vàng da hoặc tăng Tramsaminase nên tăng liều Nhân trần 30g.

+ Thuốc thành phẩm :

- VG5 : 02 viên x 02 lần/ ngày
- Bavegan : 02 viên x 03 lần/ ngày
- Hương sa lục quân : 02 viên x 03 lần/ ngày

## 2/ **Thể Can uất Tỳ hư:**

Thường gặp trong viêm gan mạn tiểu thùy hoặc giai đoạn viêm gan mạn tồn tại chuyển sang viêm gan mạn tiến triển với những triệu chứng đau tức nặng vùng hông sườn phải, miệng đắng, ăn kém, người mệt mỏi, đại tiện phân nhão, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch huyền.

**a. Phép trị: Sơ Can kiên Tỳ** với mục đích:

\* Kích thích tiêu hóa thông qua tác dụng tăng hoạt tính của men tụy như Bạch truật, Phục linh, Trần bì ...

\* Bảo vệ tế bào gan: Sài hồ, Đương quy, Đại táo, Glyciridine của Cam thảo.

\* Điều hòa chức năng miễn dịch: Sài hồ, Đảng sâm, Bạch truật, Glucide của Bạch thược.

\* Kháng virus viêm gan: Sài hồ.

- thuốc thang :

**\*Sài hồ sơ can thang gia giảm :**

Sài hồ	12g	Bạch thược	08g
Chỉ thực	06g	Xuyên khung	08g
Hậu phác	06g	Cam thảo bắc	06g
Đương quy	08g	Đại táo	08g

. Nếu cảm giác đau tức nặng vùng gan làm bệnh nhân khó chịu, nên tăng thêm liều Bạch thược, Cam thảo 12g, Xuyên khung 10g, Chỉ thực 10g, Hậu phác 10g.

. Nếu bệnh nhân bị viêm gan mạn do các bệnh tự miễn, tăng liều Bạch thược, Cam thảo bắc 20 - 30g.

. Nếu viêm gan mạn do siêu vi, nên gia thêm Diệp hạ minh châu (chó đẻ răng cưa) 50g để ức chế men AND polymerase của siêu vi B, tăng Đương quy, Đại táo 20g.

**\*Sài thược lục quân gia giảm :**

Sài hồ	12g	Bạch thược	12g
Bạch truật	12g	Đảng sâm	12g

Phục linh	08g	Trần bì	06g
Bán hạ	06g	Cam thảo bắc	06g

. Nếu bệnh nhân chán ăn, người mệt mỏi, đại tiện phân nát gia thêm Bạch truật, Đảng sâm mỗi thứ 10g, Phục linh 12g.

. Nếu lợm giọng, buồn nôn gia thêm Trần bì, Bán hạ chế 10g.

. Nếu viêm gan mạn do siêu vi nên gia thêm Diệp hạ minh châu 50g để ức chế men AND polymerase của siêu vi B.

. Nếu viêm gan mạn do bệnh tự miễn thì tăng liều Bạch truật, Đương quy, Đảng sâm, Cam thảo bắc lên 20 - 30g.

. Nếu viêm gan mạn do dùng thuốc hay rượu thì tăng liều Cam thảo bắc, Bạch truật lên 20 - 30g.

+ Thuốc thành phẩm :

- Dodylan 02 viên x 03 lần/ ngày
- Thanh huyết nang 02 viên x 02 lần/ ngày
- Bổ trung ích khí 03 viên x 02 lần/ ngày

### 3/ Thể Can âm hư:

Thường gặp trong viêm gan mạn tồn tại hoặc giai đoạn thuyên giảm sau viêm gan mạn tiến triển.

**Triệu chứng gồm có:** hồi hộp, ít ngủ, lòng bàn tay, bàn chân nóng, sốt âm i 37,5 - 38°C, khát nước, họng khô hay gât gồng, lưỡi đỏ, táo bón, nước tiểu vàng, mạch huyền tế sác.

**Phép trị:** Tư dưỡng Can âm

**Bài thuốc sử dụng:**

***Nhất quán tiễn gia giảm***

Sa sâm	12g	Sinh địa	12g
Mạch môn	12g	Sài hồ	12g
Hà thủ ô	12g	Câu kỷ	12g
Diệp hạ châu	12g		

+ Thuốc thành phẩm :

- Bổ gan P/H 05 viên x 03 lần/ ngày
- Thanh huyết nang 02 viên x 02 lần/ ngày
- Bát trân nang 02 viên x 03 lần/ ngày

(Bài giảng Bệnh học và điều trị. Tập 3. Bộ môn YHCT. Trường ĐHYD TP Hồ Chí Minh)

# VIÊM LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG

## I/ Định nghĩa:

Loét dạ dày tá tràng là sự mất chất của niêm mạc dạ dày tá tràng.

## II/ Theo YHCT:

Bệnh loét dạ dày tá tràng với biểu hiện lâm sàng là đau vùng thượng vị cùng với một số rối loạn tiêu hóa, được xếp vào bệnh lý của Tỳ Vị với bệnh danh là Vị quản thống mà nguyên nhân có thể là:

1- Những căng thẳng tâm lý kéo dài như giận dữ, uất ức khiến cho chức năng sơ tiết của tạng Can mộc bị ảnh hưởng, từ đó cản trở tới chức năng giáng nạp thủy cốc của Vị.

2- Những căng thẳng tâm lý kéo dài như lo nghĩ, toan tính quá mức cũng như việc ăn uống đói no thất thường sẽ tác động xấu tới chức năng kiện vận của tạng Tỳ và ảnh hưởng xấu tới chức năng giáng nạp thủy cốc của Vị.

Trên cơ sở đó, thời tiết lạnh hoặc thức ăn sống lạnh mà YHCT gọi là Hàn tà sẽ là yếu tố làm khởi phát cơn đau. Trong giai đoạn đầu, chứng Vị quản thống thường biểu hiện thể Khí uất (trệ), Hỏa uất hoặc Huyết úc, nhưng về sau do khí suy huyết kém chứng Vị quản thống sẽ diễn tiến theo thể Tỳ Vị hư hàn.

## III/ chẩn đoán :

### 1/ Theo YHHD:

Nói chung các triệu chứng cơ năng và dấu hiệu lâm sàng của bệnh loét dạ dày tá tràng thường nghèo nàn, chỉ trong những đợt tiến triển bệnh nhân thường có:

#### a. Những cơn đau vùng thượng vị:

- Kéo dài từ 15 phút - 1 giờ, có thể khu trú ở bên trái nếu là loét dạ dày hoặc bên phải nếu là loét tá tràng. Cơn đau có thể lan ra vùng hông sườn phải, hoặc có thể chói ra sau lưng (nếu loét ở thành sau dạ dày).

- Cơn đau có tính chu kỳ và trở nên đau dai dẳng liên tục nếu là loét lâu ngày hoặc loét xơ chai.

- Cơn đau thường xuất hiện lúc đói, về đêm và giảm ngay sau khi uống sữa hoặc dung dịch Antacid nếu là loét tá tràng, cũng như thường xuất hiện sau khi ăn hoặc ít thuyên giảm với Antacid nếu là loét dạ dày. Đau có tính chất quặn thắt hoặc nóng rát hoặc nặng nề âm ỉ. Trong cơn đau, khám có thể phát hiện thấy vùng thượng vị đề kháng khi sờ nắn.

#### b. Những rối loạn tiêu hóa:

- Táo bón rất thường gặp.

- Nôn mửa, buồn nôn xảy ra trong trường hợp loét dạ dày, nhưng nôn mửa thường ít xảy ra trong loét tá tràng nếu không có biến chứng. Bệnh nhân ăn vẫn ngon miệng nhưng có cảm giác chập tiêu, thường là nặng, chướng bụng hoặc ợ hơi, ợ chua sau các bữa ăn.

## 2. Theo YHCT:

Chứng Vị quản thống được chia làm 4 thể lâm sàng sau đây:

### a. Thể Khí uất (trệ):

- Với triệu chứng đau thượng vị từng cơn lan ra 2 bên hông sườn kèm ợ hơi, ợ chua, táo bón.

- Yếu tố khởi phát cơn đau thường là nóng giận, cáu gắt. Tính tình hay gắt gỏng.

- Rìa lưỡi đỏ, rêu vàng nhày, mạch huyền hữu lực.

- **Phép trị** : Sơ Can, lý khí, giải uất, an thần.

- Với mục đích: an thần, chống co thắt cơ trơn tiêu hóa và chống tiết HCl dịch vị hoặc trung hòa acid.

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng:

+ thuốc thành phẩm : Hương sa lục quân 02 viên x 03 lần uống

+ *Bài thuốc Hương cúc bồ đề nghệ*

Hương phụ	8g	Cúc tần	12g
Mã đề	12g	Xương bồ	8g
Nghệ vàng	6g.		

+ *Phương huyết* Trung quản, Túc tam lý, Lãi câu, Hành gian, Thiêu phủ, Thái xung, Thần môn ± Nội quan.

Kỹ thuật: bình châm Trung quản 15 phút, châm tả Lãi câu, Hành gian, Thái xung, Thần môn 5 phút.

+ *Động tác phình thót bụng* của phương pháp Dưỡng sinh.

### b. Thể Hỏa uất:

- Với tính chất đau dữ dội, nóng rát vùng thượng vị, nôn mửa ra thức ăn chua đắng.

- Hơi thở hôi, miệng đắng.

- Lưỡi đỏ sẫm, mạch hồng sắc.

- **Phép trị**: Thanh hỏa trừ uất.

- Với mục đích: chống co thắt, chống tiết HCl, kháng sinh, kháng viêm bằng cơ chế bền thành mạch.

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng:

+ *Bài thuốc Hương cúc bồ đề nghệ*

Hương phụ	8g	Cúc tần	12g
Mã đề	20g	Xương bồ	8g
Nghệ vàng	6g		

gia :

Bối mẫu	16g	Nhân trần	20g
Chi tử	12g	Bồ công anh	20g

+ Thuốc thành phẩm :

- BỔ trung ích khí 02 viên x 03 lần / ngày

- Thanh nhiệt tiêu độc 02 viên x 03 lần / ngày

Kỹ thuật: bình châm Trung quản 15 phút, châm tả Lãi câu, Hành gian, Thái xung, Thần môn 5 phút.

### c. Thể Huyết ú:

- Đau khu trú ở vùng thượng vị, cảm giác châm chích.

- Chất lưỡi đỏ tím hoặc có điểm ú huyết, mạch hoạt.

- Nặng hơn thì đi cầu phân đen hoặc nôn ra máu bầm.

- Phép trị: Hoạt huyết, tiêu ú, chỉ huyết.

- Với mục đích: chống xung huyết và cầm máu ngoài tác dụng chống co thắt và chống tiết HCl dạ dày.

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng :

+ Bài thuốc *Hương cúc bồ đề nghệ*

Hương phụ	8g	Cúc tần	12g
-----------	----	---------	-----

Mã đề	12g	Xương bồ	8g
-------	-----	----------	----

Nghệ vàng	6g		
-----------	----	--	--

Gia : Cỏ mực, Trắc bá diệp sao đen.

+ Thuốc thành phẩm :

- Hương sa lục quân 02 viên x 03 lần/ ngày

- Thanh huyết nang 02 viên x 03 lần / ngày

+ Về *phương huyết* nên châm tả Thái xung, Huyết hải, Hợp cốc. Nếu bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa có kèm rối loạn huyết động nên xử trí cấp cứu bằng y học hiện đại.

### d. Thể Tỳ Vị hư hàn:

- Hay gặp ở loét dạ dày tá tràng mạn tính, tái phát nhiều lần hoặc ở người già với triệu chứng đau vùng thượng vị mang tính chất âm ỉ liên tục hoặc cảm giác đầy trướng bụng sau khi ăn.

- Yếu tố khởi phát thường là mùa lạnh hoặc thức ăn tanh lạnh làm đau tăng.

- Lưỡi nhợt bệu, rêu trắng dày nhớt. Mạch nhu hoãn vô lực.

- Phép trị: Ôn trung kiện tỳ.

- Với mục đích: kích thích tiết dịch vị, điều hòa nhu động dạ dày ruột, cải thiện tuần hoàn niêm mạc dạ dày

- Những bài thuốc và công thức huyết sử dụng :

+ Bài *Hoàng kỳ kiến trung thang* (Kim quỹ yếu lược) gồm

Hoàng kỳ	10g	Can khương	6g
----------	-----	------------	----

Cam thảo chích	8g	Bạch thược	8g
----------------	----	------------	----

Hương phụ	8g	Cao lương khương	8g
-----------	----	------------------	----

Đại táo	3 quả.		
---------	--------	--	--

Nếu bệnh nhân mệt mỏi, chán ăn, lợm giọng gia thêm : Hoàng kỳ 16g, Cam thảo chích 12g.

Nếu bệnh nhân đầy chướng bụng, tiêu sệt gia thêm Can khương 8g, Cao lương khương 8g.

Thuốc thành phẩm : Bổ trung ích khí 03 viên x 03 lần/ ngày  
+ *Phương huyết*: gồm Quan nguyên, Khí hải, Túc tam lý, Thái bạch, Phong long, Tỳ du, Đại đò, Thiêu phủ. Ôn châm hoặc cứu các huyết nói trên.  
+ Dưỡng sinh: phương pháp Xoa trung tiêu.  
( *Nguồn Bệnh học và điều trị. Tập 3. Bộ môn YHCT. Trường ĐHYD TP Hồ Chí Minh*)

## **VIÊM ĐẠI TRÀNG MẠN**

Viêm đại tràng mạn là một bệnh rất hay gặp ở nước ta. Bệnh xuất hiện sau nhiễm khuẩn, nhiễm ký sinh trùng ở ruột. Bệnh mạn tính, có từng đợt tiến triển. Tính

chất vừa viêm vừa loạn dưỡng làm thay đổi hình thái niêm mạc đại tràng cùng với rối loạn chức năng vận động, chế tiết, hấp thu của đại tràng.

#### **Nguyên nhân của viêm đại tràng mạn**

- Di chứng của bệnh nhiễm khuẩn đường ruột cấp, thương hàn, lỵ trực khuẩn, lỵ, amip và các nhiễm trùng khác.

- Nguyên nhân dị ứng.

- Nguyên nhân bệnh tự miễn (viêm đại tràng, loét không đặc hiệu).

- Rối loạn thần kinh thực vật (lúc đầu là rối loạn chức năng về sau thành tổn thương viêm loét...)

- Sau các trường hợp nhiễm độc: thyroxin, asen, photpho, nhiễm toan máu, ure máu cao...

#### **ĐIỀU TRỊ:**

##### **a. Chế độ ăn:**

- Ăn các chất dễ tiêu giàu năng lượng.

- Giảm các chất kích thích.

- Không ăn các chất ôi thiu, sống lạnh.

**b. Làm việc nghỉ ngơi hợp lý.** Nghỉ hẳn khi có đợt tái phát.

**c. Ăn uống đúng giờ giấc.** Tập thói quen đại tiện đúng giờ giấc.

##### **d. Thuốc :**

**Điều trị nguyên nhân** (tùy theo từng nguyên nhân):

\* *Do nhiễm khuẩn cần cho kháng sinh:*

- Klion (Flagyl) 0,25: liều 2-4mg/kg/24 giờ. Một đợt dùng 8 - 10 ngày (hiệu quả với lỵ amip)

- Hoặc Enterosepton 0,25: với liều 2mg/kg/24 giờ. Một đợt dùng 7 - 10 ngày.

- Chlorocid 0,25: với liều 20mg/kg/24 giờ. Một đợt dùng 6 - 8 ngày.

- Biseptol 0,25: với liều 2mg/kg/24 giờ. Một đợt dùng 8- 10 ngày.

- Ganidan 0,5: với liều 6 - 8 viên/50kg/24 giờ. Mỗi đợt dùng 5 - 7 ngày.

- Thụt giữ dung dịch: Mixiot 1g, Streptomycin 1g, Novocain 0,25% 250ml.

Thụt giữ sau thụt tháo, 1 đợt 7 lần.

\* *Nếu viêm đại tràng do bệnh "tự miễn" thì dùng:*

- Corticoid liệu pháp:

+ Liều dùng: 30 - 40mg/50kg/24 giờ.

##### **Điều trị triệu chứng:**

\* *Chống ỉa lỏng:*

\* *Chống táo bón:*

\* *Giảm đau chống co thắt:*

\* *Thuốc an thần:*

\* *Bù nước, điện giải bằng Oresol*

#### **Y học cổ truyền :**

### **1. Thấp nhiệt uẩn kết:**

Phát sốt, đau bụng, hạ lợi xích bạch niêm dịch tiện hoặc hữu lý cấp hậu trọng, giang môn đều nhiệt, tiêu tiện ngắn đỏ; chất lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng nhờn; mạch hoạt sắc.

Pháp điều trị: thanh nhiệt giải độc- hoá thấp chỉ thống.

Thuốc: hợp phương “bạch đầu ông thang” và “thực dược thang”

Bạch đầu ông	15g	Trần bì	12g
Hoàng bá	2g	Hoàng liên	10g.
Hoàng cầm	10g	Xích thực	10g.
Bạch thực	15g	Ngân hoa	10g.
Mộc hương	10g	Bình lang	10g.

Gia giảm:

- Nhiệt nhiều và trệ thì gia thêm : sinh đại hoàng 15g, cát căn 15g.
- Thấp nhiều phải gia thêm : hậu phác 12g, thương truật 10g.
- Có biểu chứng thì gia thêm : kinh giới 12g, liên kiều 12g.
- Bụng chướng đau thì gia thêm : chỉ thực 15g, thanh bì 10g.

Thuốc thành phẩm :

- Đại tràng P/H : 03 viên x 03 lần/ ngày
- Bổ trung ích khí : 02 viên x 03 lần/ ngày

### **2. Can tỳ bất hòa:**

Phúc thống thường lúc căng thẳng hoặc sau lao lung quá độ, tiết tả nùng huyết tiện (ia chảy có mủ máu), trước khi tiết tả đau nhiều, sau tiết tả đau giảm, ngực sườn chướng đầy, đau đầu hay cúi gắt gập dữ, bụng đầy chán ăn, ái khí, chất lưỡi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng; mạch huyền hoặc huyền sắc.

Pháp chữa: sơ can lý tỳ - hành khí chỉ lợi.

Bài thuốc: hợp phương “tứ nghịch tán” và “thông tả yếu phương”.

Hoài sơn dược	20g	Chỉ xác	15g.
Bạch thực	15g	Phòng phong	12g.
Sài hồ	10g	Cam thảo	06g.
Hương phụ	12g	Trần bì	10g.
Bạch truật	10g.		

Gia giảm:

- Nếu tiết tả nhiều lần lý cấp hậu trọng thì gia thêm: ô mai 6g, ngũ vị tử 6g.
- Có thực trệ thì gia thêm: sơn tra 15g, thần khúc 12g, lai phục tử 10g.
- Mệt mỏi ăn kém phải gia thêm: đảng sâm 10g, sa nhân 6g.

Thuốc thành phẩm :

- Tràng vị khang : 01 gói x 03 lần / ngày
- Hương sa lục quân : 02 viên x 03 lần / ngày

### **3. Ú trở trường lạc:**

Đau bụng kịch liệt hoặc chướng đau tăng dần liên tục, nôn khan hoặc nôn mửa, sốt cao không lui, bụng chướng như gỗ, đông thống cự án, đại tiện bất thông, mũi khô, chất lưỡi hồng, rêu xám (tro) hoặc vàng trắng tương kiềm mà nhờn; mạch hoạt sác hoặc huyền khẩn.

Pháp điều trị: hoạt huyết hóa ứ thông lý công hạ.

Thuốc: “đào nhân thừa khí thang” gia giảm.

Sinh đại hoàng	20 - 30g	Đào nhân	10g.
Hậu phác	15g	Thủy điệt	10g.
Chỉ xác	12g	Mộc hương	10g
Xích thực	12g		

Gia giảm:

- Sốt cao mà không lui thì gia thêm: hoàng liên 10g, chi tử 10g, tử hoa địa đing 12g, ngân hoa 10g, bồ công anh 10g.

- Nếu khớp đau thì gia thêm : tần cửu 12g, khương hoạt 10g, độc hoạt 10g.

- Nếu có kết tinh hồng ba thì gia thêm : đan bì 10g, đan sâm 12g.

Thuốc thành phẩm :

- Tràng vị kháng : 01 gói x 03 lần / ngày

- Thanh huyết : 02 viên x 03 lần / ngày

**e. Xoa bóp :**

Hàng ngày trước khi ngủ hoặc sáng ngủ dậy nên xoa nắn dọc khung đại tràng (xuất phát từ hố chậu phải sang trái). Động tác nhẹ nhàng vừa xoa vừa day nhẹ, Phương pháp này rất tốt trong viêm đại tràng co thắt